TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HSST
Ngày 07/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Chiến; là Giáo viên

2. Bả Đinh Thị Ngọc Lan; là Cán bộ Đoàn thanh niên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Đình, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn T sinh ngày 28/12/2005; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm Bắc, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp học sinh; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn S và bà Lê Thị C; vợ con chưa có. Tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Lê Thị C sinh năm 1981; địa chỉ xóm Bắc, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; là mẹ bị cáo; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Trọng Kim là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lê Kim - Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người bị hại:

- Chị Phạm Thị H1 sinh năm 1990; địa chỉ xóm 3, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Phạm Văn H2 sinh năm 1978; địa chỉ xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Trần Đức A sinh năm 2003; địa chỉ thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- Anh Ngô Văn C sinh năm 1988; địa chỉ xóm 3, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do chơi Game trên mạng Internet, nên T quen biết với anh A ở tỉnh Nghệ An. Để có tiền chơi game, T nảy sinh ý định đến Cửa hàng điện thoại có dịch vụ chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng, để lừa chủ cửa hàng chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng cho T để chiếm đoạt. T nói với anh A là tài khoản Ngân hàng của T bị lỗi và nhờ chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của anh Anh, sau đó nhờ anh A nạp lại tiền vào tài khoản game cho T.

Khoảng 19 giờ ngày 19/12/2022 T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 35Y1-01162 đến xã K với mục đích đi tìm Cửa hàng điện thoại có dịch vụ chuyển tiền qua tài khoản để lừa chủ cửa hàng chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng cho T rồi tìm cơ hội tẩu thoát mà không thanh toán lại tiền. Khi đi đến khu vực xóm Tây Phú, xã K thấy Cửa hàng điện thoại "Khánh Ngọc" của anh H2 vắng khách; T dừng và dựng xe mô tô ở chỗ khuất cách khoảng 40 mét rồi đi bộ đến Cửa hàng và nói với anh H2 chuyển vào tài khoản số 109873839778 mang tên Trần Đức An tại Ngân hàng ViettinBank cho T 4.000.000 đồng rồi T thanh toán lại bằng tiền mặt cho anh H2. Anh H2 đồng ý và đã chuyển 4.000.000 đồng vào số tài khoản mà T cung cấp. Sau khi chuyển tiền thành công, anh H2 đã thông báo cho T biết và yêu cầu T thanh toán lại tiền. T giả vờ tìm tiền ví trong túi quần và nói với anh H2 là quên ví tiền ở ngoài xe và xin ra ngoài lấy, anh H2 gật đầu đồng ý và quay vào dọn dẹp các linh kiện điện thoại; T đi ra khỏi Cửa hàng, khi khuất tầm nhìn của anh H2 thì T chạy đến lấy xe mô tô và nổ máy đi về. Sau đó, T sử dụng điện thoại di động Readmi 9T lắp sim thuê bao 0898741254 đăng nhập tài khoản Messenger "Phạm Văn T" nhắn tin đến tài khoản "Trần Đức An" nói với An chuyển toàn bộ số tiền 4.000.000 đồng vào tài khoản game của T và T sử dụng chơi game hết.

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 22/12/2022 T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35Y1- 01162 đi đến xóm 3, xã K; thấy Cửa hàng điện thoại "Đức C Mobile" của vợ chồng anh C chị H1 vắng người; T dựng xe mô tô ở đoạn đường khuất cách khoảng 20 mét rồi đi bộ vào Cửa hàng và nói với anh C chuyển vào tài khoản số 109873839778 tại Ngân hàng ViettinBank cho T 5.000.000 đồng, rồi T thanh toán lại bằng tiền mặt cho anh C; anh C thực hiện việc chuyển tiền nhưng giao dịch bị lỗi không chuyển được tiền. T đi ra ngoài nhắn tin và hỏi mượn tài khoản khác của anh An để chuyển tiền, anh An nhắn tin cho T tài khoản số 91920082003 của anh An mở tại ngân hàng TPBank. Sau đó T quay vào Cửa hàng điện thoại, lúc này chỉ có chị H1 ở cửa hàng, T nói với chị Thoả chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản số 91920082003 tại Ngân hàng TPBank cho T và T thanh toán lại bằng tiền mặt cho chị H1. Để chị H1 tin tưởng, T lấy số tiền mang theo trong người ra đếm trước mặt chị Thoả; chị Thoả đồng ý và gọi điện bảo anh C chuyển 5.000.000 đồng vào số tài khoản Ngân hàng theo yêu cầu của T. Sau khi anh C chuyển tiền, chị Thoả thông

báo cho T biết. T tiếp tục hỏi mua điện thoại với mục đích chị Thoả giao điện thoại thì T sẽ không trả tiền mà chiếm đoạt chiếc điện thoại; chị Thoả đưa cho T chiếc điện thoại Iphone 8 Plus 64 GB và thoả thuận với giá là 4.500.000 đồng. T cầm điện thoại cài mật khẩu và đăng nhập tài khoản Icloud trên điện thoại; T nói chị Thoả lấy cho T miếng kính C lực để dán cho đện thoại và T đi ra ngoài để lấy thêm tiền. Khi chị H1 quay vào lấy miếng kính C lực, T cầm chiếc điện thoại Iphone 8 của chị H1 vừa đưa cho T rồi bỏ đi, khi đi khuất tầm nhìn của chị H1, T chạy đến lấy xe mô tô nổ máy đi về. Khi về nhà T nhắn tin và bảo với anh An chuyển toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng vào tài khoản game của T và T sử dụng chơi game hết.

Sau khi biết bị lừa, chị H1 đã làm đơn tố giác đến Cơ quan Công an. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành truy xét, triệu tập T đến làm việc. Quá trình làm việc, T khai nhận đã chiếm đoạt tiền và điện thoại của vợ chồng anh C chị H1. Ngoài ra, T còn tự thú về hành vi chiếm đoạt 4.000.000 đồng của anh H2 vào ngày 19/12/2022.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thu giữ của T 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus 64 GB; 01 điện thoại di động Readmi 9T lắp sim thuê bao 0898741254; 01 xe mô tô Biển kiểm soát 35Y1- 01162.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KLGĐ ngày 13/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: Giá trị của điện thoại di động Iphone 8 Plus 64 GB tại thời điểm xảy ra vụ việc là 4.733.000 đồng.

Cáo trạng số 39/CT-VKSYK ngày 20/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo T ra trước Tòa án nhân dân huyện Y để xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Readmi 9T, riêng sim điện thoại thuê bao số 0898741254 thì tịch thu tiêu hủy.

- Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Luật sư Lê Trọng Kim bào chữa cho bị cáo T trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Y truy tố bị cáo T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng pháp luật; xét bị cáo T là người chưa thành nên phạm tội; nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điểm b, r, s khoảng 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo T với mức án thấp nhất.

Bị cáo T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi của các bị cáo và tài sản chiếm đoạt nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 19 giờ ngày 19/12/2022 tại Cửa hàng điện thoại Khánh Ngọc ở xóm Tây Phú, xã K; T nói với anh H2 chuyển 4.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng cho T rồi T thanh toán lại bằng tiền mặt cho anh H2. Anh H2 đồng ý và đã chuyển 4000.000 đồng vào tài khoản mà T cung cấp. Sau khi chuyển tiền thành công, anh H2 thông báo cho T biết và yêu cầu T thanh toán. T giả vờ tìm tiền ví trong túi quần và nói với anh H2 là quên ví tiền ở ngoài xe và xin ra ngoài lấy, anh H2 đồng ý và quay vào dọn dẹp các linh kiện điện thoại; T đi ra khỏi Cửa hàng, khi khuất tầm nhìn của anh H2 thì T chạy đến lấy xe mô tô và nổ máy đi về.

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 22/12/2022 tại Cửa hàng điện thoại Đức C Mobile ở xóm 3, xã K; T nói với chị Thoả chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng cho T và T thanh toán lại bằng tiền mặt cho chị H1. Chị Thoả đồng ý và gọi điện bảo anh C chuyển 5.000.000 đồng vào số tài khoản Ngân hàng theo yêu cầu của T. Sau khi anh C chuyển tiền, chị Thoả thông báo cho T biết; T tiếp tục hỏi mua điện thoại và chị H1 đưa cho T chiếc điện thoại Iphone 8 Plus 64 GB; T nhận điện thoại và cài mật khẩu, đăng nhập tài khoản Icloud trên điện thoại; T tiếp tục bảo chị Thoả lấy cho T miếng kính C lực để dán cho điện thoại và T đi ra ngoài để lấy thêm tiền. Khi chị H1 quay vào lấy miếng kính C lực, T cầm chiếc điện thoại Iphone 8 của chị H1 vừa đưa rồi bỏ đi, khi đi khuất tầm nhìn của chị H1, T chạy đến lấy xe mô tô nổ máy đi về.

Hành vi của T là là gian dối, để được chủ sở hữu tài sản chuyển tiền vào tài khoản cho T và đưa tài sản cho T; sau đó T giả vờ xin ra ngoài để lấy tiền; khi khuất tầm kiểm soát của chủ sở hữu tài sản, thì T đã tự ý bỏ đi nhằm chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác. Với trị giá tài sản chiếm đoạt của mỗi lần đều dưới 50.000.000 đồng; nên bị cáo T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo T về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần đây là tình tiết tăng nặng "Phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: "Bị cáo tự nguyện bồi thường hoàn trả lại tài sản cho người bị hại; tự thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ vào tính chất mực độ hành vi phạm tội, vào ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo; vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; thấy rằng bị cáo T có 03 tình tiết giảm nhẹ, nhưng có 01 tình tiết tặng nặng là phạm tội 02 lần; nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo T có 01 tình tiết tặng nặng, nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ và bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T là người chưa thành niên phạm tội, nên không phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho anh H2 số tiền bị cáo chiếm đoạt là 4.000.000 đồng; bồi thường cho vợ chồng chị H1 anh C số tiền bị cáo chiếm đoạt là 5.000.000 đồng và chị H1 đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone 8Plus mà bị cáo chiếm đoạt. Anh H2, vợ chồng chị H1 anh C không yêu cầu gì thêm, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về biên pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm 01 điện thoại Iphone 8Plus; 01 điện thoại Readmi 9T lắp sim thuê bao số 0898741254; 01 xe mô tô biển kiểm soát 35Y1-011.62 .

- Điện thoại Iphone 8Plus là tài sản của chị H1, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H1 là đúng pháp luật. Xe mô tô biển kiểm soát 35Y1-011.62 là tài sản của của bà Chuyên, bà Chuyên không biết bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Chuyên là đúng pháp luật.

- Điện thoại Readmi 9T lắp sim thuê bao số 0898741254; điện thoại là tài sản của T, bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; riêng sim điện thoại thì tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với anh A không biết T sử dụng tài khoản Ngân hàng của mình để chiếm đoạt tài sản của người khác; do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y không xử lý đối với anh A.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người liên quan đều không có khiếu nại gì; nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo T bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 6 Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Phạm Văn T 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Readmi 9T, riêng sim điện thoại thuê bao số 0898741254 thì tịch thu tiêu hủy. Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/7/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo,
- Người bị hại, người liên quan
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực